

Số: /BC-UBND

Krông Pa, ngày tháng 3 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2021**

#### **PHẦN THỨ NHẤT**

### **KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2016-2021**

Thực hiện Quyết định 1722/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết 05-NQ-TU ngày 12/4/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về giảm nhanh và bền vững tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025; Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 12/4/2017 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; Nghị quyết 06-NQ-HU ngày 16/11/2016 của Huyện uỷ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới gắn với giảm nghèo bền vững đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025, với quyết tâm chính trị cao, sự quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và sự tham gia vào cuộc tích cực, kịp thời của các cấp, các ngành, công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2021 được triển khai đạt nhiều kết quả quan trọng, cụ thể như sau:

#### **I/ KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HUYỆN; NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH:**

##### **1. Đặc điểm, tình hình của huyện:**

Huyện Krông Pa có diện tích tự nhiên 162.366,18 ha. Phía Bắc giáp huyện Ia Pa, Phía Nam giáp tỉnh Đắk Lắk, Phía Đông giáp tỉnh Phú Yên, Phía Tây giáp huyện Ayun Pa. Huyện Krông Pa nằm ở vị trí khá thuận lợi, nằm trên trục đường quốc lộ 25 nối từ Quốc lộ 14 đến Quốc lộ 1A thuộc địa phận tỉnh Phú Yên; Đường Đông trường sơn nối từ Quốc lộ 25 đến Quốc lộ 26 thuộc địa phận tỉnh Đắk Lắk... địa thế rất thuận lợi cho việc giao lưu phát triển kinh tế-xã hội và an ninh quốc phòng.

Toàn huyện có 13 xã và 01 thị trấn với 77 thôn, buôn, TDP. Dân số toàn huyện hiện nay trên 92.000 dân, trong đó người đồng bào DTTS chiếm tỷ lệ cao với trên 70%. Đến cuối năm 2021, toàn huyện còn 1.853 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 9,16%. Hộ cận nghèo với 2.960 hộ, chiếm tỷ lệ 14,63% (theo chuẩn nghèo đa chiều quy định tại Quyết định 59/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

##### **2. Thuận lợi:**

Phát huy những kết quả đã được trong tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2015, sau Trung ương ban hành Nghị quyết,

chương trình hành động và Tỉnh có các Nghị quyết, chương trình, kế hoạch định hướng, Huyện uỷ đã sớm có Nghị quyết để chỉ đạo và UBND huyện đã kịp thời cụ thể hoá thành các kế hoạch chỉ đạo thực hiện cho cả giai đoạn và thực hiện hàng năm, tạo sự thống nhất nhận thức, quan điểm chỉ đạo và tổ chức thực hiện chương trình trong toàn huyện.

Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững đã trở thành nhiệm vụ chính trị của từng cấp uỷ Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội, thu hút các tầng lớp nhân dân tham gia, tạo thành phong trào sâu rộng trong toàn huyện.

Cùng với nguồn lực hỗ trợ thuộc chương trình, giai đoạn này, trên địa bàn huyện tiếp tục có các đề án giảm nghèo bền vững theo Quyết định 293/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; dự án giảm nghèo Tây nguyên... đã tạo thêm nguồn lực để thực hiện có hiệu quả mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững.

Đội ngũ cán bộ công chức cấp xã ngày càng được chuẩn hoá về trình độ, phát huy năng lực, khả năng trong tham mưu, triển khai thực hiện hoàn các nhiệm vụ mang lại kết quả ngày càng cao hơn.

Nhận thức về trách nhiệm của cán bộ ở thôn, buôn, TDP về việc tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo tích cực hơn. Sự tham gia của người dân, đặc biệt là trách nhiệm và sự tham gia của bản thân, hộ nghèo, hộ cận nghèo trong thực hiện chương trình có chuyển biến tích cực, là nhân tố tích cực quyết định đến kết quả, hiệu quả thực hiện chương trình.

### **3. Khó khăn:**

Đầu năm 2016, theo chuẩn nghèo mới đa chiều giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện chiếm đến 42,03%; phần lớn hộ nghèo tập trung tại các xã vùng sâu, vùng xa và chủ yếu là hộ đồng bào DTTS(86,1%) với điều kiện vật chất cơ sở hạ tầng khó khăn, tập quán sản xuất, sinh hoạt lạc hậu, trình độ nhận thức còn hạn chế, đời sống còn nhiều khó khăn.

Quá trình triển khai thực hiện chương trình, đặc biệt là các năm cuối của chương trình, diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 và dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi, thời tiết khí hậu diễn biến cực đoan đã tác động và ảnh hưởng lớn đến mọi mặt đời sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Tư tưởng trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng vẫn còn tồn tại trong một bộ phận dân cư. Một số chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo chưa phát huy hết hiệu quả do chưa tạo được sự gắn kết, nâng cao năng lực, trách nhiệm tham gia của đối tượng thụ hưởng.

## **II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC:**

### **1. Công tác chỉ đạo điều hành:**

Trên cơ sở định hướng thực hiện chương trình giảm nghèo của Trung ương, của tỉnh và căn cứ Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ XVI nhiệm kỳ 2015-2020, Nghị quyết chuyên đề số 06-NQ/HU về đẩy mạnh thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với chương trình giảm nghèo bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 và Chương trình số 33-CTr/HU ngày 13/7/2017 về thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh. Để triển

khai các Nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Tỉnh, của Huyện ủy, UBND huyện đã ban hành các kế hoạch thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững để tổ chức thực hiện. Kiện toàn Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG của huyện, Ban quản lý dự án cấp xã kịp thời để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của chương trình kịp thời, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

## **2. Công tác tuyên truyền vận động giảm nghèo:**

Với đặc điểm là một huyện có trên 70% dân cư là đồng bào dân tộc thiểu số và hộ đồng bào DTTS nghèo chiếm đa số với trên 90% trong tổng số hộ nghèo nên việc tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ giảm nghèo và công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện giảm nghèo luôn được các cấp, các ngành trong toàn huyện quan tâm tổ chức thực hiện, trong đó xác định công tác tuyên truyền, vận động để nhân dân, đồng bào DTTS và hộ nghèo từng bước có sự thay đổi trong nhận thức để từ đó có sự thay đổi trong hành động là nhiệm vụ quan trọng.

Huyện đã phổ biến, quán triệt các nội dung của chương trình TQG giảm nghèo bền vững và các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Huyện ủy đến đội ngũ cán bộ, đảng viên từ huyện, đến cơ sở. Tổ chức hưởng ứng và triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua như: *“Gia Lai chung tay vì người nghèo”*, cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”* gắn với cuộc vận động *“làm thay đổi nếp nghĩ cách làm trong đồng bào DTTS để từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững”* .... Tổ chức các hoạt động tập huấn, nâng cao năng lực cán bộ cấp cơ sở, cán bộ là người có uy tín trong đồng bào DTTS, người dân tại cộng đồng<sup>1</sup>. Thực hiện tốt các hình thức tuyên truyền vận động thông qua công tác phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý tại cơ sở; qua các cuộc họp dân, các buổi sinh hoạt ở cộng đồng dân cư; qua hệ thống phát thanh của huyện, xã và các hình thức như pano, áp phích<sup>2</sup> ...

Đối với việc triển khai công tác tuyên truyền, vận động và thực hiện các giải pháp giảm nghèo đa chiều, UBND huyện đã ban hành kế hoạch chỉ đạo thực hiện, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan ban ngành huyện và cấp ủy, chính quyền địa phương cơ sở, trong đó đặc biệt coi trọng đến vai trò, trách nhiệm của tổ chức mặt trận và các hội đoàn thể của cấp huyện, cấp xã, cấp thôn, vai trò của già làng, trưởng thôn buôn, những người có uy tín trong cộng đồng dân cư, vai trò của phụ nữ trong hộ gia đình để phát huy hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS từng bước giảm dần, tiến tới xóa bỏ các hủ tục lạc hậu trong ma chay, cưới hỏi, lễ hội ... Tích cực vận động đồng bào DTTS tham gia hưởng ứng và thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ giảm nghèo đa chiều như việc bố trí khu vực chăn nuôi gia súc hợp lý, không nuôi dưới sàn nhà gây ô nhiễm, mất vệ sinh, ảnh hưởng đến sức khỏe; vận động bà con nhân dân vay vốn tín dụng ưu đãi để làm xây mới, sửa chữa các công trình nhà ở, công trình nước sinh hoạt và nhà tiêu hợp vệ sinh; tham gia các hoạt động giữ gìn cảnh quan, tạo môi trường sống xanh, sạch đẹp ....

---

<sup>1</sup> (rên 3.300 cán bộ cấp xã, cán bộ thôn, người dân ở cộng đồng được tập huấn.

<sup>2</sup> có trên 4.600 tin và 200 phóng sự về giảm nghèo được phát trên hệ thống của đài huyện, xã.

Công tác tuyên truyền, vận động được quan tâm tổ chức thực hiện thường xuyên, sâu rộng đã đưa chính sách đến với người dân, huy động được sự tham gia ngày càng tích cực, có trách nhiệm của người dân trong tổ chức thực hiện, người dân được thực hiện các quyền của mình, được thụ hưởng chính sách, được kiểm tra, giám sát.

### **3. Về kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo và gia tăng sự tiếp cận của hộ nghèo đối với các dịch vụ xã hội cơ bản** (Chi tiết tại Phụ lục 1, 2)

#### **3.1. Kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo**

Áp dụng chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định 59/2015/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ, đến cuối năm 2021, toàn huyện hiện còn 1.853 hộ, chiếm tỷ lệ 9,16% (tỷ lệ hộ nghèo giảm 31,07% so với đầu năm 2016). Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số so với dân cư đồng bào DTTS còn 12,84%, tương ứng với 1.703 hộ nghèo DTTS (tỷ lệ hộ nghèo DTTS giảm 40,76% so với đầu năm 2016);

Tỷ lệ hộ nghèo trong giai đoạn 2016-2021 giảm bình quân hàng năm đạt 5,18%, vượt mức giảm bình quân theo Quyết định 1722 của Thủ tướng Chính phủ (giảm 4%), vượt mức giảm theo chỉ tiêu Nghị quyết 05 của Tỉnh uỷ (giảm 4-5%/năm), vượt mức giảm theo chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI (5%/năm).

Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào DTTS so với hộ dân cư là người đồng bào DTTS giảm bình quân hàng năm đạt 7,79%, vượt mức giảm bình quân theo theo Quyết định 1722 của Thủ tướng Chính phủ (giảm 3-4%), vượt mức giảm theo chỉ tiêu chỉ tiêu Nghị quyết 05 của Tỉnh uỷ (5%/năm).

Các địa phương có tỷ lệ giảm nghèo bình quân hàng năm trong giai đoạn 2016-2021 cao trên 5%, điển hình có: Chư Gu 6,87%, Ia Rmok 6,26%, Đát Bàng 6%, Uar 5,97%, Ia Mláh 5,95%, Ia Rsai: 5,83%, Chư RCăm 5,71%.

#### **3.2. Kết quả giảm sự thiếu hụt của hộ nghèo trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản:**

Hộ nghèo của huyện chủ yếu phân bố ở khu vực nông thôn, với 1.777 hộ chiếm tỷ lệ gần 96% so với tổng số hộ nghèo. Sự thiếu hụt của hộ nghèo trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản thời gian đầu triển khai chương trình rất cao, quá trình tổ chức thực hiện đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành trong toàn huyện quan tâm triển khai các chương trình, chính sách hỗ trợ giảm nghèo đa chiều, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ gia tăng sự tiếp cận của hộ với các dịch vụ xã hội về giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, vệ sinh môi trường và tiếp cận thông tin. Kết quả triển khai các chính sách, dự án giảm nghèo cùng với kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện thời gian qua đã tác động, tạo sự thay đổi và chuyển biến đáng kể trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo. Cụ thể:

##### **\* Về giáo dục:**

- Chỉ đạo ngành giáo dục, các địa phương và các đơn vị trường học toàn huyện triển khai đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp để huy động học sinh đến trường đúng độ tuổi, đảm bảo quyền học tập của trẻ; thực hiện thường xuyên công tác rà soát, vận động đối tượng ở các thôn buôn tham gia các lớp xóa mù chữ, bỏ

túc THCS để duy trì và nâng cao tỷ lệ các tiêu chí trong công tác phổ cập giáo dục – xóa mù chữ. Quy mô giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện ngày càng phát triển; chất lượng dạy và học được chú trọng; tình hình đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất đáp ứng được nhu cầu dạy và học; hệ thống trường lớp từ bậc mầm non đến THCS, THPT được xây dựng, phân bổ hợp lý, đáp ứng nhu cầu cho học sinh đến trường<sup>3</sup>. Công tác phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 05 tuổi, tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở luôn được quan tâm chỉ đạo, các tiêu chí phổ cập giáo dục tiếp tục được duy trì. Các chương trình, chính sách hỗ trợ trong giáo dục đào tạo cho học sinh được quan tâm triển khai thực hiện kịp thời, đúng quy định<sup>4</sup>. Thông qua các chính sách hỗ trợ về giáo dục đã góp phần quan trọng trong việc tăng tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến lớp, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Tỷ lệ thiếu hụt các chỉ số tiếp cận của hộ nghèo trong giáo dục: Trình độ giáo dục đối với người lớn đến cuối năm 2021 còn 3,99%, giảm 11,52% so với đầu kỳ, bình quân mỗi năm giảm 1,92%; Tình trạng đi học đối với trẻ em cuối kỳ còn 1,15%, giảm 3,07% so với đầu kỳ, bình quân mỗi năm giảm 0,5%.

**\* Về Y tế:**

- Hàng năm, đã chỉ đạo các ngành chức năng của huyện và UBND các xã, thị trấn tổ chức rà soát, lập danh sách và triển khai cấp thẻ BHYT đến đúng đối tượng, việc cấp trùng thẻ BHYT đã giảm, các sai sót trong quá trình in, cấp thẻ từng bước được khắc phục, tỷ lệ thẻ bị sai thông tin giảm dần<sup>5</sup>. Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, nhất là người nghèo, đồng bào DTTS được quan tâm chú trọng thực hiện. Hệ thống mạng lưới y tế từng bước được đầu tư xây dựng theo hướng đạt chuẩn quốc gia, hiện nay có 10 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế (*hiện còn Ia Rmok, Ia Hdréh chưa đạt chuẩn*). Tất cả các xã thị trấn đều có cán bộ chuyên

---

<sup>3</sup> đến nay, toàn huyện có 10 xã có cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn quốc gia theo quy định nông thôn mới (*Còn 3 xã chưa đạt chuẩn là Chư Ngoc, Ia Rsai và Đất Bằng*)

<sup>4</sup> Thực hiện chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 49/2010/NĐ-CP, Nghị định 74/2013/NĐ-CP, Nghị định 86/2015/NĐ-CP cho 51.835 lượt học sinh với kinh phí thực hiện là 66,930 tỷ đồng; Thực hiện chế độ học bổng, trợ cấp xã hội theo Quyết định 82/2006/QĐ-TTg, Quyết định 152/2007/QĐ-TTg, Quyết định 1121/QĐ-TTg cho 1.212 lượt học sinh với kinh phí là 13,345 tỷ đồng; Thực hiện chế độ hỗ trợ cho 4.479 học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ với kinh phí thực hiện là 20,749 tỷ đồng; Hỗ trợ bán trú và nội trú theo Quyết định 85/2010/QĐ-TTg cho 666 lượt học sinh với kinh phí thực hiện là 3,273 tỷ đồng; thực hiện chế độ hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em 3 đến 5 tuổi theo Nghị định 06/2018/NĐ-CP cho 27.226 lượt học sinh với kinh phí thực hiện 22.227 triệu đồng; hỗ trợ gần 599 tấn gạo cho 5.067 học sinh vùng khó khăn ....

<sup>5</sup> Trong giai đoạn, đã cấp thẻ cho trên 451.000 lượt người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số, hộ người kinh vùng III, hộ có mức sống trung bình, người có công, bảo trợ xã hội, trẻ em dưới 6 tuổi với kinh phí thực hiện trên 330,1 tỷ đồng. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến cuối năm 2021 đạt 89,8%, tỷ lệ này có giảm so với các năm trước, do có sự thay đổi lớn về đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ BHYT sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 861/QĐ-TTg, Ủy ban dân tộc ban hành Quyết định 612/QĐ-UBND (*03 xã chuyển từ khu vực II xuống khu vực I; 02 xã chuyển từ khu vực III xuống khu vực II; giảm 23 thôn ĐBKK; trên 12.000 đối tượng bị ảnh hưởng, giảm thẻ BHYT*).

trách dân số kế hoạch hoá gia đình; mạng lưới y tế từ huyện đến xã, thị trấn được củng cố, cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh được tăng cường về cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ban đầu cho người dân trên địa bàn.

- Tỷ lệ thiếu hụt các chỉ số tiếp cận của hộ nghèo về y tế: Tiếp cận dịch vụ y tế đến cuối năm 2021 còn 0,15%, giảm 1,33% so với đầu kỳ, bình quân mỗi năm giảm 0,22%; Thẻ bảo hiểm y tế đến cuối kỳ còn 0,87%, giảm 4,23% so với đầu kỳ, bình quân mỗi năm giảm 0,70%.

**\* Về nhà ở:**

- Cùng với chính sách nhà ở của Trung ương, trong những năm qua huyện nhận được nhiều sự quan tâm hỗ trợ từ các doanh nghiệp, đơn vị hảo tâm trên địa bàn tỉnh tài trợ kinh phí để triển khai chương trình xóa nhà tạm cho hộ gia đình nghèo, gia đình chính sách khó khăn. Với nguồn kinh phí tài trợ, UBND huyện đã kịp thời phân bổ chỉ tiêu hỗ trợ làm nhà cho các địa phương, đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương rà soát, bình xét đúng đối tượng thật sự khó khăn về nhà ở để hỗ trợ theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ<sup>6</sup>. Phần lớn các hộ gia đình được hỗ trợ làm nhà, ngoài nguồn kinh phí hỗ trợ của đơn vị tài trợ đã đóng góp thêm kinh phí để làm nhà với diện tích lớn hơn, chất lượng nhà ở đảm bảo, sử dụng ổn định và phù hợp với phong tục và tập quán sinh hoạt, sản xuất của từng dân tộc. Thông qua đó, các cơ quan ban ngành của huyện đã tuyên truyền, vận động các hộ gia đình được hỗ trợ tăng gia sản xuất, phát triển kinh tế, cải thiện cuộc sống và vươn lên thoát nghèo.

Bên cạnh đó, đã tích cực chỉ đạo các địa phương triển khai công tác rà soát, nắm bắt danh sách các hộ gia đình nghèo có hoàn cảnh thật sự khó khăn, nhà ở đã xuống cấp, hư hỏng nặng, không thể tự sửa chữa, xây dựng lại, để đề xuất đưa vào chương trình hỗ trợ của giai đoạn sau (*qua thống kê năm 2021 toàn huyện có 395 hộ gia đình nghèo khó khăn về nhà ở*).

- Tỷ lệ thiếu hụt các chỉ số tiếp cận của hộ nghèo về nhà ở: Chất lượng nhà ở đến cuối kỳ còn 3,25%, giảm 14,92% so với đầu kỳ, bình quân mỗi năm giảm 2,49%; Diện tích nhà ở đến cuối kỳ còn 6,39%, giảm 11,51% so với đầu kỳ, bình quân mỗi năm giảm 1,92%.

**\* Nước sạch, vệ sinh môi trường:**

- Đã chỉ đạo các ngành, các địa phương phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thay đổi thói quen sử dụng các nguồn nước sông suối để ăn uống, chuyển sang sử dụng nước tại các công trình cấp nước được đầu tư xây dựng và các công trình giếng khoan, giếng đào của cộng đồng dân cư. Đẩy mạnh triển khai chính sách tín dụng ưu đãi, bố trí nguồn vốn từ ngân sách huyện để ưu

---

<sup>6</sup> Giai đoạn 2016-2021, thông qua các chính sách và các nguồn tài trợ, vận động đã hỗ trợ xóa nhà tạm, cải thiện nhà ở cho 320 hộ gia đình nghèo với kinh phí thực hiện là 10,452 tỷ đồng (*Nhà ở theo quyết định 33/2015/QĐ-TTg: 192 nhà = 4,8 tỷ đồng; Ngân hàng TMCP công thương Gia Lai: 50 nhà = 2,5 tỷ đồng; Ngân hàng Đầu tư và PT tỉnh Gia Lai: 20 nhà = 01 tỷ đồng; Quỹ Vì người nghèo: 35 nhà = 1,130 tỷ đồng; các cơ quan, đơn vị, tổ chức hỗ trợ: 23 nhà = 1,022 tỷ đồng*).

tiên hỗ trợ thực hiện chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường<sup>7</sup>. Tỷ lệ hộ dân cư toàn huyện tiếp cận và sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 90%.

- Tỷ lệ thiếu hụt các chỉ số tiếp cận của hộ nghèo về nước sinh hoạt và nhà tiêu hợp vệ sinh: Nước sinh hoạt đến cuối kỳ còn 1,27%, giảm 21,51% so với đầu kỳ, bình quân mỗi năm giảm 3,58%; Nhà tiêu hợp vệ sinh đến cuối kỳ còn 8,77%, giảm 28,28% so với đầu kỳ, bình quân mỗi năm giảm 4,71%.

**\* Về tiếp cận thông tin:**

- Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền từ huyện đến xã được quan tâm đầu tư ngày càng đầy đủ. Thông qua nguồn kinh phí đầu tư từ các chương trình hỗ trợ có mục tiêu và nguồn ngân sách huyện bố trí đã thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho Đài Truyền thanh Truyền hình huyện và hệ thống Đài phát thanh của 3 xã: Ia HDréh, Krông Năng, Chư Ngọc với kinh phí thực hiện là 2.040 triệu đồng. Hiện nay, tất cả các xã, thị trấn đều được trang bị đầy đủ hệ thống phát thanh không dây. Phần lớn các hộ dân trên địa bàn huyện đều có các phương tiện nghe, xem; các thiết bị công nghệ kết nối mạng internet dần trở nên phổ biến, đường truyền mạng viễn thông được đầu tư phát triển đến tận các thôn buôn, mạng viễn thông không dây 3G, 4G phủ sóng toàn huyện nên việc tiếp cận với thông tin từ các phương tiện công cộng và cá nhân trở nên dễ dàng, thuận lợi, đầy đủ hơn.

Nhìn chung, các chỉ tiêu đánh giá về sự tiếp cận của hộ nghèo đối với các dịch vụ xã hội cơ bản có sự chuyển biến tích cực, mức độ thiếu hụt trong tiếp cận các dịch vụ xã hội có xu hướng giảm dần. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu trong thực hiện còn nhiều khó khăn như sự tác động để thay đổi khả năng tiếp cận về trình độ học vấn đối với người lớn và tác động để thay đổi trong sử dụng nước sinh hoạt và làm nhà vệ sinh đối với đồng bào DTTS.

- Tỷ lệ thiếu hụt các chỉ số tiếp cận của hộ nghèo về thông tin: Sử dụng dịch vụ viễn thông đến cuối kỳ còn 2,4%, giảm 10,19% so với đầu kỳ, bình quân mỗi năm giảm 1,70%; Phương tiện tiếp cận thông tin đến cuối kỳ còn 0,43%, giảm 9,36% so với đầu kỳ, bình quân mỗi năm giảm 1,56%.

**3.3. Kết quả thực hiện mục tiêu đưa xã, thôn thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn:**

- Năm 2017, theo Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017, số xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện là 10 xã, số xã thuộc khu vực khó khăn là 4 xã, số thôn buôn đặc biệt khó khăn toàn huyện là 67 thôn.

- Đến năm 2021, theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc, toàn huyện có 9 xã khu vực III, 2 xã khu vực II, 3 xã thuộc khu vực I, 44 thôn buôn đặc biệt khó khăn.

---

<sup>7</sup> đã giải quyết nhu cầu vay vốn cho 3.034 hộ dân với kinh phí thực hiện là 46.999 triệu đồng; ngân sách huyện hỗ trợ cho 191 gia đình hộ nghèo, hộ gia đình chính sách người có công để làm nhà tiêu hợp vệ sinh với kinh phí 1,235 tỷ đồng; cấp 1000 bể thu gom, 50 thùng rác với kinh phí thực hiện 350 triệu đồng.

- Về xã thoát ra khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn: giảm 01 xã đặc biệt khó khăn. Quá trình thực hiện, có 02 xã thoát ra khỏi xã vùng đặc biệt khó khăn (*xã Uar, Chư Gu*) và 01 xã chuyển từ xã vùng khó khăn lên xã vùng đặc biệt khó khăn (*xã Chư Rcăm*).

- Thôn buôn thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn: giảm 23 thôn buôn đặc biệt khó khăn.

#### **4. Kết quả thực hiện các dự án của Chương trình (Chi tiết tại Phụ lục 3):**

Các dự án của chương trình MTQG giảm nghèo bền vững được bố trí vốn thực hiện đến năm 2020. Kết quả thực hiện từng dự án như sau:

##### **4.1. Kết quả thực hiện Dự án 1-Chương trình 30a.**

\* **Tiểu dự án 1:** Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các huyện nghèo.

Huyện được hưởng cơ chế hỗ trợ nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng như các huyện nghèo đến năm 2018. Tổng nguồn vốn được bố trí từ năm 2016-2018 là: 49.902 triệu đồng, đã đầu tư là: 24 công trình, trong đó có 12 công trình xây mới và 12 duy tu bảo dưỡng. Các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả đầu tư, góp phần xóa đói, giảm nghèo tại các địa phương trên địa bàn huyện.

\* **Tiểu dự án 3:** Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo: tổng kinh phí 7.512 triệu đồng (Ngân sách trung ương) để triển khai dự án hỗ trợ phát triển sản xuất. Dự án được triển khai đã hỗ trợ giống bò sinh sản cho 404 hộ gia đình tại 5 xã: Phú Cần, Chư Gu, Chư Rcăm, Uar và Ia Mláh, trong đó có 261 hộ nghèo.

##### **4.2. Kết quả thực hiện Dự án 2- Chương trình 135.**

\* **Tiểu dự án 1:** Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, thôn buôn đặc biệt khó khăn:

Trong 5 năm (2016-2020), tổng nguồn vốn đã bố trí để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn và thôn buôn đặc biệt khó khăn là 75.342 triệu đồng, trong đó ngân sách trung ương với 72.837 triệu đồng, ngân sách địa phương với 2.505 triệu đồng. Đối với nguồn vốn này, huyện đã chỉ đạo các xã thực hiện công tác rà soát và đăng ký danh mục các công trình để bố trí vốn thực hiện trong cả giai đoạn và bổ sung thực hiện hàng năm. Thực hiện việc phân cấp, phân quyền trong đầu tư xây dựng theo đúng quy định và hướng dẫn của các ngành cấp trên. Kết quả thực hiện đã đầu tư xây dựng mới, nâng cấp sửa chữa và duy tu bảo dưỡng cho 125 công trình, trong đó có 91 công trình xây mới và 34 công trình duy tu bảo dưỡng.

\* **Tiểu dự án 2:** Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã ĐBKK, thôn buôn ĐBKK:

Nguồn vốn triển khai dự án được bố trí trong 5 năm (2016-2020) là 16.929 triệu đồng, trong đó nguồn vốn ngân sách trung ương là 16.330 triệu đồng, ngân sách tỉnh 599 triệu đồng. Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đã hỗ trợ nguồn giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, vật tư nông nghiệp cho 16.914 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo phát triển sản xuất, chủ yếu tập trung vào hỗ trợ cho hộ về giống cây điều, giống cây sắn, giống rau củ quả, phân bón, giống bò, heo sinh sản. Kinh phí do nhân dân đóng góp là 12.349 triệu đồng.



\* **Tiểu dự án 3:** Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, thôn buôn đặc biệt khó khăn:

Ngân sách Trung ương bố trí thực hiện trong 5 năm (2016-2020) là 1.695 triệu đồng. Kết quả thực hiện, đã triển khai công tác tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở và cộng đồng dân cư tại các xã đặc biệt khó khăn, các thôn buôn đặc biệt khó khăn với 61 lớp, tập huấn kiến thức cho 2.499 lượt người, trong đó cán bộ thôn buôn là 563 người và người dân là 1.936 người.

#### **4.3. Dự án 3- Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế ngoài Chương trình 30a, Chương trình 135:**

Dự án này được bố trí vốn thực hiện trong 02 năm: 2019 và 2020 với kinh phí 408,3 triệu đồng, trong đó ngân sách trung ương là 198,3 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 210 triệu đồng. Huyện đã phân bổ nguồn vốn thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cho 99 hộ dân tại 04 xã thuộc khu vực khó khăn, trong đó có 71 hộ nghèo và 28 hộ cận nghèo được hỗ trợ ( 06 hộ được hỗ trợ bò giống sinh sản, 91 hộ được hỗ trợ giống cây điều ghép, phân bón. Kinh phí do nhân dân đóng góp tham gia dự án là 1.328 triệu đồng.

#### **4.4. Dự án 4: truyền thông và giảm nghèo về thông tin:**

##### **\* Truyền thông về giảm nghèo:**

Kinh phí được phân bổ để thực hiện hoạt động truyền thông về giảm nghèo từ năm 2016 đến 2020 là 153 triệu đồng, trong đó ngân sách trung ương với 148 triệu đồng, ngân sách địa phương 5 triệu đồng. Huyện đã chỉ đạo xây dựng, duy trì thực hiện thường xuyên chuyên mục tuyên truyền về chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, định kỳ hàng tuần có tin bài, phóng sự phát thanh tuyên truyền về công tác giảm nghèo; thực hiện 06 Pa nô tuyên truyền tại các xã: Phú Cần, Ia Mláh, Chư Gu, Chư Ngọc, Uar và Đất Bằng.

##### **\* Giảm nghèo về thông tin:**

Dự án do Sở Thông tin Truyền thông tỉnh chủ trì, huyện chỉ phối hợp trong việc rà soát, xác định số hộ đáp ứng các tiêu chí hỗ trợ. Trong giai đoạn, thông qua nguồn kinh phí hỗ trợ của dự án, đã hỗ trợ đầu tư kỹ thuật số DTH cho 889 gia đình hộ đình nghèo, cận nghèo.

Bên cạnh đó, thông qua nguồn kinh phí đầu tư từ các chương trình hỗ trợ có mục tiêu và nguồn ngân sách huyện bố trí đã thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho Đài Truyền thanh Truyền hình huyện và hệ thống Đài phát thanh của 3 xã: Ia HDréh, Krông Năng, Chư Ngọc với kinh phí thực hiện là 2.040 triệu đồng.

#### **4.5. Dự án 5: Nâng cao năng lực, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình:**

Nguồn kinh phí được phân bổ để thực hiện các hoạt động nâng cao năng lực, giám sát, đánh giá chương trình trong 5 năm là 459,5 triệu đồng, trong đó ngân sách trung ương là 432,5 triệu đồng, ngân sách địa phương là 27 triệu đồng. Huyện đã tổ chức 11 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho 821 lượt người là cán bộ xã, cán bộ các thôn, buôn, TDP; hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan đơn vị thuộc Ban chỉ đạo Chương trình MTQG cấp huyện và UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai

công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và công tác điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm, trong đó đặc biệt quan tâm đối với việc kiểm tra, phúc tra kết quả điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm đảm bảo tuân thủ đúng quy trình điều tra và tính chính xác trong việc xác định đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo thụ hưởng chính sách. Bên cạnh công tác kiểm tra, giám sát của huyện, việc triển khai chương trình cũng nhận được sự kiểm tra, giám sát thường xuyên hằng năm của Sở Công thương – đơn vị được phân công phụ trách địa bàn huyện; 01 đợt giám sát chương trình của Hội đồng nhân dân tỉnh; 01 đợt giám sát chuyên đề về công tác rà soát hộ nghèo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện.

## **5. Kết quả thực hiện một số chính sách hỗ trợ giảm nghèo khác:**

### **5.1. Chính sách tín dụng:**

Chính sách hỗ trợ vốn vay cho nhóm đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng khác hàng năm luôn được triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả. Ngân hàng chính sách xã hội huyện đã thực hiện kịp thời công tác cho vay vốn tín dụng ưu đãi hộ nghèo và các chương trình cho vay vốn theo mục tiêu khác. Thông qua 12 chương trình tín dụng đã cho 17.907 hộ gia đình vay vốn với tổng kinh phí cho vay trên 559,3 tỷ đồng. Trong đó, riêng 3 chương trình tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đã cho 9.995 hộ vay vốn với số tiền cho vay trên 361 tỷ đồng, chiếm gần 56% tổng số hộ vay vốn. Chính sách tín dụng đã đáp ứng được nhu cầu vốn vay của các hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác để đầu tư phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập nâng cao đời sống cho nhân dân. Phần lớn đối tượng vay vốn đã biết cách sử dụng vốn vay đúng mục đích vào phát triển sản xuất, chăn nuôi, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, góp phần tích cực cùng với các chương trình chính sách hỗ trợ khác thực hiện có hiệu quả mục tiêu giảm nghèo tại địa phương.

### **5.2. Chính sách đào tạo nghề, xuất khẩu lao động:**

Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn luôn được quan tâm thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Trong 6 năm, đã mở được 106 lớp dạy nghề trình độ sơ cấp và đào tạo nghề ngắn hạn dưới 3 tháng cho 2.834 lao động, trong đó đào tạo nghề trình độ sơ cấp với 66 lớp dạy nghề cho 1.748 người (*lao động DTTS là 1.572 người, lao động nữ là 891 người*) và đào tạo nghề ngắn hạn thường xuyên với 40 lớp dạy nghề cho 1.082 lao động (*lao động DTTS là 1.081 người, lao động nữ là 343 người*). Kết quả thực hiện chương trình đào tạo nghề trên địa bàn huyện thời gian qua, cùng với kết quả thực hiện các chương trình giáo dục nghề nghiệp khác đã góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo toàn huyện từ 10% năm 2010 lên 35,5% năm 2021, bình quân mỗi năm tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng trên 2,3%.

Công tác xuất khẩu lao động được triển khai tích cực và mang lại nhiều kết quả, là một trong những kênh giải quyết việc làm có hiệu quả cho lao động, mang lại nguồn thu nhập cao, giúp giảm nghèo nhanh và bền vững<sup>8</sup>.

---

<sup>8</sup> Từ năm 2016-2020, toàn huyện có 148 người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, năm 2021 công tác này bị tạm ngưng do tình hình tác động của đại dịch Covid-19. Lao động

### **5.3. Chương trình khuyến nông, định canh định cư:**

Công tác khuyến nông được quan tâm triển khai đạt nhiều kết quả. Trong năm 6 năm, đã triển khai 20 mô hình, dự án khuyến nông với kinh phí thực hiện trên 4,654 tỷ đồng, hỗ trợ cho 1.370 hộ gia đình làm chuồng trại, rào hàng rào, hỗ trợ các loại giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng, ứng dụng kỹ thuật sản xuất mới, hỗ trợ giống bò sinh sản.

Tổ chức thực hiện 7 dự án định canh định cư với kinh phí thực hiện trên 6,668 tỷ đồng để hỗ trợ định cư cho 1.547 hộ đồng bào dân tộc thiểu số có nơi ở ổn định và có các điều kiện để phát triển kinh tế hộ gia đình.

### **5.4. Chương trình hỗ trợ đất sản xuất, nước sinh hoạt:**

Thực hiện theo Quyết định 755 của Thủ tướng Chính phủ có 372 hộ được giải quyết hỗ trợ đất sản xuất, trong đó có 56 hộ được cấp đất sản xuất và 316 hộ được hỗ trợ chăn nuôi chuyển đổi nghề, tổng kinh phí thực hiện là 5.743 triệu đồng; giải quyết hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán bằng hình thức cấp bồn chứa nước sinh hoạt cho 400 hộ, kinh phí thực hiện là: 520 triệu đồng; bố trí kinh phí 950,7 triệu đồng để đầu tư duy tu bảo dưỡng 7 công trình nước sinh hoạt tập trung. Theo Quyết định 2085/QĐ-TTg, đã hỗ trợ cho 82/372 hộ thiếu đất sản xuất được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội huyện với số tiền 3.295 triệu đồng để chuyển đổi ngành nghề.

Bên cạnh đó, nguồn kinh phí từ Quỹ cứu trợ của tỉnh được Ủy ban MTTQ huyện triển khai thực hiện đã hỗ trợ bồn nước sinh hoạt cho 50 hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại xã Chư Gu với kinh phí thực hiện là 100 triệu đồng.

### **5.5. Chương trình hỗ trợ các mặt hàng chính sách theo Quyết định 102/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ:**

Huyện đã chỉ đạo Phòng Dân tộc huyện phối hợp với UBND các xã, thị trấn thực hiện kịp thời công tác rà soát, lập danh sách, tổng hợp và đề xuất nhu cầu hỗ trợ các mặt hàng chính sách về giống cây trồng, vật nuôi và phân bón về Ban dân tộc tỉnh. Thực hiện tốt công tác phối hợp cấp phát và giám sát quá trình cấp các mặt hàng hỗ trợ do các đơn vị thực hiện. Kết quả thực hiện đã hỗ trợ 1.939,241 kg ngô giống, 535.475,328 kg phân NPK và 1.090 con bò giống sinh sản cho các gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo, già làng, đồng bào DTTS.

### **5.6. Công tác cứu trợ, cứu đói:**

Công tác cứu trợ cứu đói cho nhân dân, đặc biệt đối với các gia đình hộ nghèo trong các dịp Tết Nguyên đán và thiếu đói do giáp hạt luôn được quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt từ công tác rà soát xét chọn đối tượng để hỗ trợ đến việc tiếp nhận, bàn giao, hướng dẫn và giám sát công tác cấp phát gạo cứu đói cho nhân dân

---

tham gia xuất khẩu lao động đều gửi tiền đều đặn về cho gia đình, đời sống của các hộ gia đình có lao động đi làm việc tại nước ngoài có sự chuyển biến, thay đổi tích cực, đã tạo nên hiệu ứng lan truyền cho người lao động chưa có việc làm đăng ký tham gia. Một số địa phương có lao động tham gia nhiều gồm Ia Rmok (22 người), Ia Rsai (21 người), Ia Mláh (19 người), Ia RSuom (19 người), Đát Bằng (17 người).

theo đúng với các định mức hỗ trợ của pháp luật<sup>9</sup>. Công tác cứu trợ cứu đói được triển khai tích cực, kịp thời đã giúp cho người dân sớm khắc phục các khó khăn, ổn định đời sống.

### **5.7. Chính sách trợ giúp pháp lý:**

Chỉ đạo Phòng Tư pháp huyện và UBND các xã, thị trấn phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý theo Luật trợ giúp pháp lý, Quyết định 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016-2020 và hỗ trợ vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình<sup>10</sup>.

### **5.8. Kết quả thực hiện các hoạt động hỗ trợ của Ban Quản lý Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên Huyện Krông Pa.**

Dự án Giảm nghèo Khu vực Tây Nguyên huyện Krông Pa triển khai các hoạt động để hỗ trợ cải thiện sinh kế, nâng cao mức sống cho người dân tại địa bàn 5 xã đặc biệt khó khăn là Ia Rmok, Ia HDréh, Krông Năng, Chư Ngọc và Đất Bằng.

Về hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện sinh kế: đã triển khai 134 mô hình, dự án hỗ trợ giống cây trồng vật nuôi như nuôi heo địa phương, heo rừng, dê sinh sản, bò sinh sản, dúi sinh sản, cá trầu, cá trê, gà, trồng rau... với kinh phí thực hiện là 26,287 tỷ đồng. Các dự án được triển khai đã góp phần hỗ trợ sinh kế cho 1.905 hộ gia đình, trong đó có 1.240 hộ nghèo và 254 hộ cận nghèo. Kết quả triển khai hợp phần hỗ trợ sinh kế đã tạo điều kiện cho các hộ gia đình tham gia thực hiện và hưởng lợi từ dự án hỗ trợ, nhiều hộ gia đình đã thoát nghèo và vươn lên có cuộc sống ổn định, góp phần quan trọng giảm nghèo có hiệu quả tại 5 xã.

Về đầu tư cơ sở hạ tầng: trong 5 năm thực hiện đã đầu tư xây dựng mới 78 công trình đường giao thông với 33,776 km đường bê tông xi măng, 0,245 km nương thoát nước; thực hiện 21 công trình bảo trì, đắp lè đường, xây rãnh thoát nước dọc các công trình đường giao thông được đầu tư xây dựng. Tổng kinh phí thực hiện 62,076 tỷ đồng. Hệ thống công trình giao thông ở 5 xã từng bước được đầu tư xây dựng kiên cố hoá, kết nối giao thông thuận lợi, phục vụ tốt cho nhu cầu đi lại và phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

### **5.9. Sự tham gia của các cơ quan, ban ngành trong công tác giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo là gia đình chính sách:**

---

<sup>9</sup> Từ năm 2016 đến cuối năm 2021, huyện đã tiếp nhận 931,380 tấn gạo, hỗ trợ cứu đói cho 14.263 hộ hỗ trợ cứu đói cho nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán, đói giáp hạt, đói do thiệt hại của bão lũ gây ra, ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Bên cạnh đó, đã thực hiện công tác hỗ trợ đột xuất cho 86 trường hợp hộ gia đình khó khăn đột xuất, có người bị chết, hộ gia đình có nhà bị cháy, bị hư hỏng nặng do mưa bão, lốc xoáy gây ra với kinh phí thực hiện trên 262,8 triệu đồng.

<sup>10</sup> Kết quả, đã triển khai được 05 đợt tại 42 điểm thôn, buôn với 2.177 lượt người tham dự, trợ giúp pháp lý 79 vụ việc cho các đối tượng. Bên cạnh đó, Phòng Tư pháp đã tổ chức tư vấn, giải đáp pháp luật miễn phí cho 108 trường hợp người nghèo, người cận nghèo, người đồng bào DTTS; in ấn, cung cấp 739 trang văn bản pháp luật miễn phí.

Thời gian qua, Huyện uỷ, UBND huyện luôn quan tâm, chỉ đạo các ngành, các địa phương quan tâm chăm lo đến đời sống của gia đình người có công với cách mạng có hoàn cảnh khó khăn, xem đó là một nhiệm vụ chính trị quan trọng phải nỗ lực thực hiện để không còn trường hợp gia đình người có công nằm trong diện nghèo, cận nghèo, đảm bảo tất cả các gia đình người có công đều có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống bình quân của người dân tại cộng đồng dân cư. Với nhiệm vụ đó, thời gian qua công tác hỗ trợ, giúp đỡ 72 hộ gia đình chính sách nghèo, cận nghèo luôn nhận được sự quan tâm và tích cực tham gia thực hiện của các cơ quan, ban ngành, các địa phương trong toàn huyện. Thông qua hoạt động hỗ trợ của các cơ quan, đơn vị bằng nhiều việc làm thiết thực, ý nghĩa, có hiệu quả như hỗ trợ cải thiện nhà ở, làm nhà tiêu hợp vệ sinh, công trình nước sinh hoạt, bể chứa nước, tặng xe đạp, tặng sổ tiết kiệm, các vật dụng cần thiết, hỗ trợ giống bò, giống dê... với kinh phí hỗ trợ trên 1,3 tỷ đồng đã góp phần giúp cho phần lớn các hộ gia đình có đủ điều kiện vươn lên thoát nghèo, thoát cận nghèo. Đến cuối năm 2021, toàn huyện, có 13 hộ chính sách nghèo, cận nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025 (*03 hộ nghèo và 10 hộ cận nghèo chính sách*). Trong thời gian tới, sẽ tiếp tục tập trung hỗ trợ giúp cho 13 hộ chính sách nghèo, cận nghèo của giai đoạn mới vươn lên thoát nghèo, thoát cận nghèo trong năm 2022, năm 2023.

#### **6. Kết quả huy động sự tham gia của các ngành, các địa phương đối với việc thực hiện chương trình giảm nghèo:**

Ủy ban MTTQ huyện và các Tổ chức thành viên đã thường xuyên quán triệt mục đích, ý nghĩa, nội dung của chương trình đến cán bộ, hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân thông qua các cuộc họp, hội nghị, tập huấn và các buổi sinh hoạt tại khu dân cư để tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên và nhân dân về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo; vận động và hướng dẫn nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, tăng gia sản xuất, tăng thu nhập, nâng cao đời sống, vươn lên thoát nghèo bền vững; triển khai nhiều cuộc vận động, nhiều phong trào, nhiều hoạt động thiết thực, có ý nghĩa tại cơ sở, khơi dậy được ý chí, sự nỗ lực vươn lên làm chủ cuộc sống, vươn lên thoát nghèo của hội viên, nhân dân; thông qua nguồn vốn tín dụng được uỷ thác, các hội đoàn thể đã tổ chức tốt các hoạt động cho vay, cung cấp nguồn vốn vay đến hội viên và các đối tượng khác để giải quyết nhu cầu về nguồn vốn phục vụ sản xuất, cải thiện đời sống cho hội viên, nhân dân;

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đã tăng cường công tác phối hợp với cấp uỷ, chính quyền từ huyện đến cơ sở trong chỉ đạo triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững; chỉ đạo tổ chức mặt trận và hội đoàn thể cấp xã phát huy vị trí, vai trò của mình trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện giảm nghèo; tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS từng bước hạn chế tiến tới xóa bỏ các hủ tục lạc hậu trong ma chay, cưới hỏi, lễ hội,... làm tốn nhiều tiền của, lãng phí thời gian, gây nguy hại đến sức khỏe, bỏ bê lao động sản xuất; vận động đồng bào DTTS tham gia hưởng ứng và thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ giảm nghèo đa chiều như vận động thực hiện việc bố trí khu vực chăn nuôi gia súc hợp lý, không nuôi dưới sàn nhà gây ô nhiễm, mất vệ sinh; vận động bà con nhân dân vay vốn tín dụng ưu đãi để làm xây mới, sửa chữa các công

trình nhà ở, công trình nước sinh hoạt và nhà tiêu hợp vệ sinh; vận động nhân dân thực hiện các chính sách về chăm sóc sức khỏe, kế hoạch hoá gia đình.

### **7. Chế độ báo cáo, công tác sơ kết, tổng kết và biểu dương, khen thưởng:**

Chế độ báo cáo kết quả thực hiện chương trình hàng năm, sơ kết giữa kỳ và tổng kết cuối kỳ được chú trọng thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng quy định đã đáp ứng tốt yêu cầu phục vụ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy và sự quản lý, điều hành của UBND huyện trong quá trình triển khai thực hiện chương trình. Hoạt động thi đua giảm nghèo gắn với biểu dương khen thưởng thành tích công tác được các cấp các ngành tổ chức thực hiện kịp thời, đạt kết quả. Tổng kết chương trình MTQG giảm nghèo của giai đoạn 2016-2020, UBND huyện đã biểu dương, khen thưởng thành tích cho 36 tập thể, 41 cá nhân và 31 hộ gia đình tiêu biểu có nhiều đóng góp tích cực trong việc tham gia tổ chức thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020. Các tấm gương về nghị lực vươn lên thoát nghèo ở cơ sở, đặc biệt là hộ gia đình tự nguyện làm đơn xin ra khỏi hộ nghèo được biểu dương, khen thưởng kịp thời và được tuyên truyền để nhân rộng trong cộng đồng (*có 01 trường hợp là hộ gia đình chị Tạ Thị Vui, cư trú tại thôn Thanh Bình xã Uar tự nguyện, mạnh dạn viết đơn xin ra khỏi hộ nghèo*).

## **III. ĐÁNH GIÁ:**

### **1. Về kết quả thực hiện:**

Chương trình giảm nghèo bền vững thời gian qua luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Huyện ủy, UBND huyện và sự phối hợp tích cực của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các ban ngành, đoàn thể huyện. Công tác tổ chức thực hiện chương trình được các cơ quan chức năng của huyện và UBND các xã, thị trấn phối hợp triển khai thực hiện kịp thời, công khai, minh bạch. Công tác tuyên truyền về chương trình được quan tâm tổ chức tương đối tốt đã đưa các chính sách, dự án hỗ trợ đến với nhân dân, đảm bảo dân chủ, khách quan và đúng quy định. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở được quan tâm đã góp phần nâng cao năng lực và trình độ quản lý cho đội ngũ cán bộ cơ sở, phát huy năng lực tổ chức thực hiện chương trình tại cơ sở. Công tác kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện được chú trọng đã kịp thời ngăn ngừa, phòng chống các biểu hiện tiêu cực hoặc sai phạm trong thực hiện chính sách. Các chủ trương, chính sách hỗ trợ giảm nghèo được nhân dân đồng tình ủng hộ, người dân được hưởng lợi từ các chính sách hỗ trợ, được giám sát và thể hiện vai trò làm chủ của mình, góp phần củng cố khối đại đoàn kết, tạo niềm tin của nhân dân với chính quyền địa phương, với Đảng và Nhà nước.

Kết quả triển khai các chính sách, dự án giảm nghèo đã góp phần thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu của chương trình giảm nghèo, từng bước giảm dần tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn của huyện, tỷ lệ giảm nghèo bình quân hàng năm đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết của Tỉnh ủy, Nghị quyết Huyện Đảng bộ đề ra. Đời sống nhân dân trên địa bàn huyện được cải thiện đáng kể, chất lượng cuộc sống cơ bản được đảm bảo, tỷ lệ tiếp cận của hộ nghèo với các dịch vụ xã hội cơ bản về giáo dục, y tế, nhà ở, vệ sinh, môi trường và tiếp cận thông tin ngày càng tăng. Hộ nghèo được tiếp cận với các chính sách hỗ trợ thuận lợi, từng bước được đầu tư hỗ trợ các

điều kiện phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, tạo việc làm, nâng cao thu nhập để vươn lên thoát nghèo bền vững.

## **2. Mặt khó khăn, tồn tại, hạn chế:**

Quá trình thực hiện cho thấy, mặc dù kết quả giảm nghèo tuy đã đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra, tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn những khó khăn, hạn chế như: kết quả giảm nghèo chưa thật sự bền vững, phần lớn số hộ thoát nghèo đều nằm trong diện cận nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo có xu hướng ngày càng tăng, số hộ phát sinh nghèo mới vẫn còn nhiều (*chiếm trên 6% trong tổng số hộ nghèo cuối năm*), hộ nghèo là đồng bào DTTS chiếm tỷ lệ cao. Tỷ lệ hộ nghèo thiếu hụt trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản có giảm nhưng một số chỉ tiêu còn cao như tiếp cận trong giáo dục đối với người lớn, sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

Tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện giảm bình quân hàng năm trên 5,1%, tuy nhiên trong một số năm tỷ lệ giảm đạt thấp, không đạt chỉ tiêu kế hoạch của năm đề ra. Một số cấp ủy, chính quyền địa phương cơ sở chưa thật sự quyết liệt trong công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện mục tiêu giảm nghèo nên kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân trong giai đoạn đạt thấp, các địa phương có tỷ lệ hộ nghèo giảm đạt thấp gồm: Chư Ngọc (4,52%), Ia Sơm (4,87%), Krông Năng (5,01%).

Nguồn lực đầu tư trực tiếp từ ngân sách Nhà nước cho chương trình hàng năm chưa nhiều, chưa đáp ứng với yêu cầu đầu tư phát triển của huyện. Việc bố trí nguồn lực từ ngân sách huyện để thực hiện các mục tiêu giảm nghèo, an sinh xã hội còn rất hạn chế. Nguồn lực huy động từ sự tham gia đóng góp, hỗ trợ của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cộng đồng dân cư còn khiêm tốn.

Nguồn vốn tín dụng ưu đãi luôn đảm bảo nhưng có một bộ phận không nhỏ hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa mạnh dạn, chưa tích cực đăng ký vay để phát triển sản xuất, chấp nhận vay tư thương vừa chịu lãi cao và các rủi ro khác nên đời sống càng thêm khó khăn, khó thoát nghèo. Một số chương trình tín dụng về nước sạch vệ sinh môi trường có số hộ vay hàng năm nhiều nhưng việc sử dụng nguồn vốn để thực hiện đầu tư, nâng cấp, xây mới các công trình về nước sạch, nhà tiêu hợp vệ sinh của hộ vay vốn còn nhiều bất cập, chưa mang lại kết quả thiết thực.

Tình trạng giải quyết việc làm cho người lao động còn nhiều khó khăn, do trên địa bàn huyện có ít doanh nghiệp, nhu cầu sử dụng lao động hàng năm không đáng kể; người lao động chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu lao động, do đó chưa đáp ứng được các yêu cầu của thị trường lao động, nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp; tâm lý e ngại, thiếu tự tin nên người lao động chưa mạnh dạn đăng ký tham gia các chương trình giải quyết việc làm trong và ngoài nước, chấp nhận với công việc làm nông tại địa phương, nguồn thu nhập không cao và thiếu ổn định.

Một số chính sách hỗ trợ chưa có tác dụng tích cực trong việc khuyến khích người nghèo, địa phương khó khăn phấn đấu vượt nghèo, thoát khỏi tình trạng khó khăn; tư tưởng không muốn ra khỏi danh sách xã ĐBKK, thôn buôn ĐBKK, ra khỏi diện hộ nghèo vẫn còn tồn tại trong một bộ phận nhân dân và chính quyền cơ sở; một bộ phận hộ nghèo, cận nghèo vẫn còn tư tưởng trông chờ hỗ trợ trực tiếp từ Nhà nước và địa phương. Một số chính sách hỗ trợ đồng loạt cho hộ nghèo, hộ

đồng bào DTTS trong thực tế chưa mang lại nhiều kết quả để thúc đẩy giảm nghèo như hỗ trợ trực tiếp về phân bón, giống cây trồng, giống vật nuôi, cấp tiền điện.

### **3. Nguyên nhân:**

Nhận thức và trách nhiệm đối với công tác giảm nghèo của cấp ủy Đảng, Chính quyền, đoàn thể ở một số địa phương và một số cơ quan, ban, ngành cấp huyện chưa sâu sắc, toàn diện; công tác phối hợp chỉ đạo điều hành đôi lúc chưa nhất quán, chặt chẽ. Sự tham gia vào cuộc của địa phương cơ sở có lúc, có nơi thiếu quyết liệt. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở còn nhiều hạn chế và bất cập. Năng lực quản lý kinh tế, xã hội và triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của một số cơ quan chuyên môn huyện và chính quyền cấp xã chưa đáp ứng được yêu cầu dẫn đến việc tổ chức thực hiện, lồng ghép và phát huy hiệu quả sử dụng nguồn lực thực hiện chương trình chưa cao.

Xuất phát điểm về kinh tế xã hội của huyện thấp. Kinh tế hàng hoá nông thôn mới bắt đầu. Cơ chế chính sách đầu tư chưa đủ mạnh, hỗ trợ còn phân tán, thiếu tập trung, mức hỗ trợ cho hộ nghèo còn quá thấp không đủ điều kiện để vươn lên thoát nghèo. Cơ sở hạ tầng kinh tế kỹ thuật còn nhiều khó khăn, đáp ứng chưa nhiều với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương, chưa thúc đẩy mạnh giao lưu, trao đổi và phát triển kinh tế, văn hoá xã hội. Hệ thống đường giao thông, thuỷ lợi, trường học, trạm y tế, trụ sở xã và các thiết chế văn hoá cơ sở còn chưa đồng bộ. Các hoạt động công nghiệp và thương mại dịch vụ kinh doanh chưa tạo ra điểm nhấn để thúc đẩy phát triển. Phát triển sản xuất chủ yếu là sản xuất nông nghiệp nhưng phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, diễn biến của thời tiết, khí hậu. Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao, mức độ ảnh hưởng của phong tục tập quán cũ còn lớn, tập quán canh tác lạc hậu của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện còn nặng nề, sản xuất còn mang tính thuần nông tự cung tự cấp. Trình độ dân trí chưa cao, phần lớn hộ nghèo thiếu kiến thức về kinh nghiệm làm ăn và khả năng tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế.

Nguồn lực đầu tư trực tiếp từ ngân sách Nhà nước cho chương trình hàng năm chưa nhiều, chưa đáp ứng với yêu cầu đầu tư phát triển của huyện. Ngân sách huyện hạn hẹp, khó khăn. Đơn vị doanh nghiệp trên địa bàn huyện ít, có quy mô sản xuất vừa và nhỏ do đó việc huy động nguồn lực không được thuận lợi.

Một số chính sách đã chuyển sang hỗ trợ có điều kiện nhưng vẫn còn một số chính sách hỗ trợ cấp cho không được duy trì triển khai nên trong thực tế một bộ phận hộ nghèo có sự so sánh, còn tâm lý trông chờ, ỷ lại, không muốn thoát nghèo.

Một bộ phận hộ thoát nghèo còn có nguy cơ tái nghèo vì phải sống tại các địa bàn không thuận lợi về điều kiện tự nhiên, thời tiết, khí hậu khắc nghiệt, thiếu việc làm và việc làm không ổn định, thu nhập thấp. Phong tục tập quán trong đồng bào DTTS vẫn còn nặng nề, chưa thể tác động thay đổi trong một thời gian ngắn.

### **4. Bài học kinh nghiệm:**

Nhận thức đúng về vị trí, vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể từ huyện đến cơ sở và người dân sẽ tạo nên sức mạnh tổng hợp cho công tác giảm nghèo, đặc biệt phát huy vai trò, trách nhiệm của



người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị trong chỉ đạo, triển khai thực hiện chương trình.

Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, các ngành chức năng liên quan, các tổ chức đoàn thể xã hội là điều kiện hết sức quan trọng trong việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Chỉ đạo triển khai thực hiện các chương trình, dự án, chính sách giảm nghèo đến với cơ sở, đến với nhân dân đồng bộ, kịp thời sẽ phát huy kết quả, hiệu quả thực hiện chương trình.

Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của từng ngành, từng cấp về công tác giảm nghèo. Mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo phải được cụ thể từ cấp huyện đến xã và thôn, buôn. Từng địa phương cần phải thường xuyên theo dõi, nắm chắc thực trạng, điều kiện, hoàn cảnh của hộ nghèo để có biện pháp hỗ trợ phù hợp, mặt khác cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, rút kinh nghiệm thường xuyên trong chỉ đạo, thực hiện chương trình.

Chú trọng công tác tập huấn, đào tạo cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể xã hội và sự tham gia của cộng đồng, người dân, đặc biệt là bản thân hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Tổ chức thực hiện thường xuyên công tác tuyên truyền vận động giảm nghèo đa chiều, đặc biệt là làm cho đồng bào dân tộc thiểu số thay đổi mạnh mẽ trong nhận thức, để từ đó có sự thay đổi lớn trong cách làm, cách sống.

Quản lý và chỉ đạo lồng ghép các chương trình, dự án đầu tư đúng đối tượng; đa dạng hóa việc huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu chương trình giảm nghèo, nhất là chủ động khai thác và sử dụng nguồn lực tại chỗ kết hợp với sự hỗ trợ của Nhà nước, của các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị-xã hội, các cá nhân và cộng đồng. Mở rộng giao lưu hợp tác, tranh thủ các cơ hội về vốn, kỹ thuật để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững. Gắn việc quản lý sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn lực cho giảm nghèo với hướng dẫn tập huấn kỹ thuật, kinh nghiệm làm ăn, khuyến nông, lâm, ngư, công tới hộ nghèo, cận nghèo.

Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn có tính quy hoạch, kiểm kê diện tích đất đai, xác định cây trồng vật nuôi trên địa bàn để định hướng cho việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi ở từng vùng cho phù hợp theo hướng sản xuất hàng hoá, hướng dẫn cho nhân dân về thị trường tiêu thụ sản phẩm, có chính sách hỗ trợ đầu vào, có cán bộ khuyến nông, khuyến công hướng dẫn đồng bào tổ chức sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản hàng hóa, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động. Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động là cơ sở để từng gia đình có cuộc sống ổn định, phát triển.

## **PHẦN THỨ HAI**

### **PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

#### **CHƯƠNG TRÌNH TRONG GIAI ĐOẠN 2022-2025**

#### **I. QUAN ĐIỂM:**

- Xác định giảm nghèo bền vững là chủ trương lớn, quan trọng, nhất quán và xuyên suốt trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước của Đảng và Nhà nước ta. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện phải bám sát định hướng theo Chỉ thị 05- CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030; Nghị quyết số 24/2021/NQ ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai về giảm nhanh và bền vững tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025; Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU; Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 21/10/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị 05- CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững; Nghị quyết huyện Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025 và Kế hoạch số 29-KH/HU ngày 23/11/2021 của Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo giảm nghèo sát thực tế, đạt kết quả cao; thực hiện giảm nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, là khâu đột phá để phát triển kinh tế xã hội ổn định và bền vững, cải thiện đời sống của người dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của huyện, nhất là ở khu vực xã đặc biệt khó khăn, xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

- Công tác giảm nghèo bền vững đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo thường xuyên và đồng bộ của các cấp chính quyền, sự phối hợp tích cực của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội; đồng thời phải phát huy vai trò làm chủ của người dân từ khâu xây dựng kế hoạch, đến tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện của các dự án, chính sách hỗ trợ giảm nghèo.

- Mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo phải gắn chặt với việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ theo tiêu chí nông thôn mới để tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội; từng bước thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các địa phương, giữa thị trấn với các xã, giữa đồng bào dân tộc kinh với đồng bào dân tộc thiểu số; ưu tiên đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tích cực huy động mọi nguồn lực để thực hiện chương trình; khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng địa phương; đồng thời phát huy truyền thống tương thân tương ái của dân tộc ta, huy động sự tham gia tích cực của cộng đồng để thực hiện giảm nghèo.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhất là hộ đồng bào dân tộc thiểu số tự lực vươn lên phát triển kinh tế, thụ hưởng cơ sở hạ tầng và các chính sách an sinh xã hội, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

nhằm thoát nghèo bền vững; xem sự nỗ lực phấn đấu vươn lên thoát nghèo của hộ nghèo là nhân tố quyết định thành công của công tác giảm nghèo bền vững.

## **II. MỤC TIÊU:**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Giảm tỷ lệ hộ nghèo bền vững, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo, nhất là ở vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; thu hẹp khoảng cách về điều kiện sống giữa các địa phương, giữa thị trấn với các xã, giữa đồng bào dân tộc kinh với đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng cơ sở phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội theo tiêu chí nông thôn mới; tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận thuận lợi, đầy đủ với các dịch vụ xã hội cơ bản.

### **2. Mục tiêu định hướng đến năm 2025:**

- Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện còn dưới 6% và tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số còn dưới 8% (*áp dụng chuẩn đa chiều giai đoạn 2022-2025*)

- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm đạt trên 3,10% và mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS bình quân hàng năm đạt trên 4,3%.

## **III. NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP:**

- Tập trung chỉ đạo triển khai các chính sách hỗ trợ thuộc Đề án phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội về phê duyệt Đề án phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và các chính sách, dự án hỗ trợ thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Bám sát định hướng thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững của Trung ương, của tỉnh để xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững trong cả giai đoạn 2022-2025 và các kế hoạch giảm nghèo hàng năm, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp giảm nghèo phù hợp với tình hình thực tế của huyện để tạo sự thống nhất trong nhận thức, chỉ đạo và hành động của toàn huyện, phát huy được sức mạnh, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị đối với việc triển khai chương trình giảm nghèo.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng và nâng cao năng lực điều hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình cả cấp huyện, cấp xã trong thực hiện giảm nghèo bền vững. Nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công tác giảm nghèo. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo triển khai thực hiện chương trình của cấp huyện, cấp xã gắn với việc phân rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện phân công địa bàn phụ trách đến từng xã, từng thôn để hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và giám sát việc thực hiện chương trình giảm nghèo. Bố trí đủ cán bộ phụ trách công tác lao động thương binh xã hội nói chung và công tác giảm nghèo nói riêng để nâng cao hơn nữa hiệu quả trong công tác tham mưu, tổ chức thực hiện.

- Tuyên truyền, phổ biến các văn bản của Đảng và Nhà nước nhằm khơi dậy, khuyến khích ý chí quyết tâm vươn lên thoát nghèo, nhất là đồng bào dân tộc thiểu

số, vận động nhân dân cùng góp sức thực hiện công tác giảm nghèo. Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, vận động thực hiện giảm nghèo đa chiều, giảm nghèo trong đồng bào DTTS bằng nhiều hình thức, phù hợp với tâm lý, tập quán của nhân dân, coi đó là khâu đột phá để thực hiện nhằm tạo sự thay đổi, chuyển biến mạnh trong nhận thức và hành động của người dân, khơi dậy ý chí và sự nỗ lực của bản thân người nghèo, hộ nghèo vươn lên làm chủ cuộc sống của mình.

- Tập trung huy động các nguồn lực cho công tác giảm nghèo, ưu tiên đầu tư hỗ trợ để giải quyết các vấn đề về việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, nhà vệ sinh, tiếp cận thông tin để giảm các chiều thiếu hụt của người dân hướng đến giảm nghèo đa chiều bền vững. Quản lý, phân bổ nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, chính sách, dự án hỗ trợ cho mục tiêu giảm nghèo theo hướng lồng ghép, có mục tiêu, trọng điểm, đặc biệt ưu tiên tập trung đối với các xã, các thôn buôn có tỷ lệ hộ nghèo cao, tỷ lệ hộ nghèo đồng bào DTTS lớn. Tranh thủ nguồn lực từ doanh nghiệp, cộng đồng ở địa phương và các tổ chức nhân đạo, từ thiện để hỗ trợ hộ nghèo, hộ nghèo đồng bào DTTS phát triển sản xuất, nâng cao đời sống; huy động sự tham gia đóng góp của bản thân các hộ nghèo, khơi dậy ý chí chủ động vươn lên, hạn chế đến mức thấp nhất tư tưởng trông chờ, ỷ lại của một bộ phận người nghèo.

- Triển khai đồng bộ, chặt chẽ, kịp thời các chương trình, chính sách hỗ trợ giảm nghèo xuống cơ sở đảm bảo tính công khai, minh bạch, phát huy dân chủ và sự tham gia của người dân, cộng đồng trong quá trình triển khai thực hiện từ khâu rà soát, xác định đối tượng thụ hưởng đến công tác triển khai cấp phát chính sách hỗ trợ; tạo điều kiện tốt nhất, thuận lợi nhất để hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào DTTS được tiếp cận với chính sách hỗ trợ, tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản; quan tâm chú trọng đến công tác hướng dẫn, tập huấn nâng cao năng lực cho nhóm đối tượng thụ hưởng chính sách về kế hoạch sử dụng nguồn vốn, kế hoạch chi tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế hộ, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ, kỹ thuật nuôi trồng, cầm tay chỉ việc... gắn trách nhiệm của từng hộ, từng thôn buôn để phát huy hiệu quả chính sách hỗ trợ.

- Xây dựng, chỉ đạo thực hiện tốt các cuộc điều tra, rà soát xác định hộ nghèo, cận nghèo hàng năm đảm bảo xác định đúng đối tượng; cùng với đó quan tâm thực hiện tốt công tác quản lý, phân loại đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo theo từng chiều thiếu hụt tại từng địa bàn đến cấp thôn để từ đó từng địa phương có thể đánh giá và xây dựng các kế hoạch thực hiện giảm nghèo gắn với các giải pháp có tính khả thi cao, tập trung thực hiện đối với các mặt, các lĩnh vực, các chiều có sự thiếu hụt cao của người dân trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Tổ chức thường xuyên hoạt động kiểm tra, giám sát từ cấp huyện đến cấp thôn để đảm bảo các chính sách được triển khai đến với người dân, đến đúng đối tượng thụ hưởng, không để xảy ra các vi phạm, tiêu cực trong việc tổ chức thực hiện chính sách; bên cạnh đó tổ chức tốt các nội dung có liên quan đến công tác sơ kết, tổng kết gắn với việc biểu dương khen thưởng thành tích công tác giảm nghèo cho các tập thể, các địa phương, các cá nhân.

#### **IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:**

##### **1. Đối với Trung ương:**

Về hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo: theo Quyết định 90/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 thì chính sách hỗ trợ làm nhà ở cho hộ nghèo (Dự án 5), chỉ áp dụng thực hiện tại các địa bàn huyện nghèo; Quyết định 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi có quy định chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo (Dự án 1), chỉ áp dụng tại các xã đặc biệt khó khăn, các thôn buôn đặc biệt khó khăn. Kính đề nghị UBND tỉnh kiến nghị với Trung ương xem xét, ban hành chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở với cơ chế thực hiện như Quyết định 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn trước đây, nhưng nâng mức hỗ trợ vay vốn (*mức vay cũ là 25 triệu đồng; mức vay đề nghị nâng lên 40 triệu đồng*) để cho các gia đình hộ nghèo khó khăn về nhà ở tại các vùng còn lại có thêm cơ hội để cải thiện nhà ở.

## **2. Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh:**

- Về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất: kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết quy định cụ thể về mức hỗ trợ cho gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia các dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo giai đoạn 2022-2025 (*trước đây Hội đồng nhân dân tỉnh có ban hành Nghị quyết 94/2018/NQ-HĐND*). Đối với một số chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo, nên xem xét có cơ chế thuận lợi nhất để nguồn vốn hỗ trợ cấp trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng để tiến hành mua giống vật nuôi (*bò, dê, lợn*) tại địa phương có sự giám sát của chính quyền địa phương.

- Về chính sách bảo hiểm y tế: kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh nghiên cứu, xem xét, có chính sách hỗ trợ bổ sung của tỉnh về hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế trong khoản thời gian 3 năm đối với người kinh thuộc hộ gia đình mới nghèo, thoát cận nghèo tại các xã khu vực II và người đồng bào DTTS thuộc hộ gia đình mới nghèo, thoát cận nghèo tại các xã khu vực I.

- Đối với việc bố trí công tác viên giảm nghèo: trong giai đoạn trước, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết số 83/2018/NQ-HĐND quy định về tổ chức mạng lưới, cơ chế hoạt, chế độ đối với đội ngũ công tác viên giảm nghèo và được triển khai thực hiện đến năm 2020. Trong giai đoạn mới, đề nghị HĐND tỉnh xem xét, tiếp tục bố trí đội ngũ công tác viên giảm nghèo cho các xã, thị trấn trong toàn tỉnh.

## **3. Đối với UBND tỉnh:**

- Kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, kịp thời giao chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm cho các huyện, thị xã, thành phố trong tháng 12 của năm trước, để UBND cấp huyện báo cáo, trình Ban chấp hành Đảng bộ, Hội đồng nhân dân huyện thống nhất mức giảm tỷ lệ hộ nghèo đề ra cho năm sau, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến huyện.

- Kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, có chính sách hỗ trợ riêng của tỉnh cho một số đối tượng bị bệnh hiểm nghèo là nhân khẩu thuộc hộ nghèo, cận nghèo vào nhóm đối tượng được xem xét giải quyết chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng để giảm bớt một phần khó khăn về thu nhập, đời sống, chi phí khám chữa bệnh cho đối tượng và gia đình.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2021, UBND huyện Krông Pa báo cáo UBND tỉnh, Sở Lao động TBXH tỉnh tổng hợp, theo dõi và chỉ đạo./.

***Nơi nhận:***

- Sở Lao động – TB&XH tỉnh (b/c);
- Huyện ủy (b/c);
- Lãnh đạo UBND huyện;
- VP. HĐND-UBND huyện;
- Phòng Lao động TBXH huyện;
- Thành viên BCĐ các CTMTQG huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tiến Đăng**